tóng míng

同名

adjective · same name; namesake

Example Sentences

tā men liǎ tóng míng bù tóng xìng
他 们 俩 同 名 不 同 姓 。

They have the same given name but different surnames.

zhè bù diàn yǐng hé xiǎo shuō tóng míng
这 部 电 影 和 小 说 同 名 。

This movie shares its name with the novel.

tóng míng bù tóng rén bié gǎo hùn le
同 名 不 同 人 ， 别 搞 混 了 。

Same name but different people, don't mix them up.

Trace each character, then write the word on your own.

同 同 同 同 同 同 同 同 同

名 名 名 名 名 名 名 名 名